HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 541/QĐ-HVPNVN

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam về việc ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ biên bản họp ngày 24/5/2023 của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh, mã số: 9340101 (*có văn bản chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Phòng Đào tạo, Khoa Quản trị kinh doanh và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Hội đồng KH&ĐT
- Website Học viện
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Trần Quang Tiến

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành theo Quyết định số 541/QĐ-HVPNVN ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
  + Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
  + Tên tiếng Anh: Business Administration
  + Mã ngành đào tạo: 9340101
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Thời gian đào tạo: 3 năm đối với thí sinh có bằng thạc sĩ và 4 năm đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

Trong trường hợp gia hạn, tổng thời gian đào tạo không vượt quá 5 năm (60 tháng) đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ và 6 năm (72 tháng) đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng Tiến sĩ Quản trị kinh doanh (Doctor of Philosophy in Business Administration)
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

2. Triết lý và Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Triết lý giáo dục của Chương trình đào tạo

Bên cạnh triết lý giáo dục của Học viện Phụ nữ Việt Nam là *"Giáo dục Toàn diện - Chất lượng - Bình đẳng"*, chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản trị kinh doanh kiên định triết lý giáo dục *"Hiện đại - Thực tiễn - Sáng tạo - Đặc thù"*.

- *Hiện đại:* phương thức, nội dung đào tạo được cập nhật và điều chỉnh định kỳ và thường xuyên theo khuynh hướng phát triển của ngành về mặt học thuật và yêu cầu, thực tiễn phát triển của xã hội về công nghệ, kinh doanh và quản lý;
- *Thực tiễn:* đào tạo gắn liền với thực tiễn, thực tế kinh doanh, doanh nghiệp, doanh nhân trong nội dung các học phần và những chương t0rình, hoạt động bổ trợ;
- *Sáng tạo:* đào tạo khai phá và phát triển tư duy sáng tạo không ngừng của cả người học và giảng viên trước, trong và sau thời gian dạy và học;
- *Đặc thù:* mục tiêu và nội dung có tính chất đặc thù về giới gắn liền với các kiến thức chuyên môn kinh tế, kinh doanh và quản lý.

2.2. Mục tiêu chung

Chương trình tiến sĩ quản trị kinh doanh đào tạo những nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu về quản trị kinh doanh; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có thể sử dụng thành thạo các lý thuyết cốt lõi, nền tảng về quản trị kinh doanh, các phương pháp, công cụ, công nghệ thông tin, kỹ thuật nghiên cứu khoa học tiên tiến để thiết kế, thực hiện, quản lý nghiên cứu khoa học độc lập; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức; thiết lập mạng lưới hợp tác trong hoạt động nghiên cứu cũng như quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức; khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học; có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, tinh thần phục vụ nhân dân và ý thức bình đẳng giới.

2.3. Mục tiêu cụ thể

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp Chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản trị kinh doanh có thể:

MT1: Tổng hợp, hệ thống hóa những lý thuyết cốt lõi, nền tảng, chuyên sâu, tiên tiến về quản trị kinh doanh, kinh tế; kết hợp với các phương pháp, công cụ, công nghệ thông tin, kỹ thuật nghiên cứu khoa học tiên tiến và các vấn đề thực tiễn quản trị kinh doanh để tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển thêm các tri thức mới cũng như vận dụng trong hoạt động quản lý, điều hành doanh nghiệp, tổ chức và thực hiện công việc chuyên môn.

MT2: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề mới một cách sáng tạo, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

MT3: Kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong và ngoài nước, kỹ năng thiết lập mạng lưới hợp tác trong hoạt động nghiên cứu cũng như quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức.

MT4: Khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu; khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học cấp ngành, khu vực và quốc gia.

MT5: Thể hiện tính chuyên nghiệp cao trong công việc chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, tinh thần phục vụ nhân dân, ý thức bình đẳng giới.

3. Chuẩn đầu ra

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo Tiến sĩ Quản trị kinh doanh có thể:

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

KT1: Hệ thống hóa các lý thuyết cốt lõi, nền tảng chuyên sâu, tiên tiến và cập nhật thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh để tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ

nhằm kiến tạo tri thức mới hoặc có những đóng góp giá trị về lý thuyết quản trị kinh doanh và kinh doanh.

KT2: Vận dụng thành thạo các kiến thức chuyên sâu, cập nhật về quản trị kinh doanh trong thực tiễn quản trị kinh doanh; thấu hiểu và kiến giải được sự phức tạp của các tình huống, các quy luật kinh doanh cũng như hành vi của các cá nhân và tổ chức tham gia vào hoạt động kinh doanh.

KT3: Vận dụng thành thạo các khái niệm, phương pháp, mô hình, công cụ, kỹ thuật nghiên cứu định lượng và định tính trong nghiên cứu khoa học cũng như thực tiễn quản trị kinh doanh.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

KN1: Có khả năng tổng quan lý thuyết và các công trình nghiên cứu có liên quan một cách toàn diện, đầy đủ và khoa học theo một chủ đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học quản trị kinh doanh.

KN2: Xây dựng đề cương, thiết kế, triển khai, viết báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu khoa học một cách hoàn chỉnh, đạt các tiêu chuẩn chất lượng về một chủ đề thuộc ngành quản trị kinh doanh; có khả năng đánh giá và thẩm định chất lượng các nghiên cứu định tính, định lượng về quản trị kinh doanh;

KN3: Thể hiện khả năng viết bài báo khoa học và đăng tải trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín tại Việt Nam và/hoặc nước ngoài; có khả năng trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu, tham gia thảo luận trong nước, quốc tế và phổ biến các kết quả nghiên cứu về quản trị kinh doanh.

KN4: Thể hiện năng lực vượt trội trong thiết lập mạng lưới hợp tác trong hoạt động nghiên cứu khoa học cũng như quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của tổ chức.

KN5: Thành thạo ít nhất một phần mềm phân tích thống kê cũng như một số công cụ cần thiết phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực khoa học về quản trị kinh doanh.

3.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

TC-TN1: Thể hiện khả năng tự định hướng nghiên cứu khoa học và dẫn dắt người khác trong chuyên môn, khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh cấp ngành, khu vực và quốc gia.

TC-TN2: Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp cao trong công việc chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, tinh thần phục vụ nhân dân, ý thức bình đẳng giới.

3.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức mới về các vấn đề chung của lĩnh vực kinh tế xã hội và các vấn đề đặc thù của ngành quản trị kinh doanh.

Người học sau khi tốt nghiệp tiến sĩ quản trị kinh doanh có thể công tác trong các cơ quan, đơn vị thuộc ngành, chuyên ngành được đào tạo sau:

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cao hoặc cán bộ chuyên môn trong các tổ chức kinh tế xã hội và nghề nghiệp (doanh nghiệp trong nước và quốc tế,….);
- Cố vấn, chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh;
- Cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn trong các cơ quan quản lý nhà nước các cấp;
- Cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn trong các tổ chức phi chính phủ.
- Nghiên cứu viên, giảng viên tại các viện nghiên cứu và cơ sở giáo dục và đào tạo.

3.5. Ma trận CĐR – Mục tiêu chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
1.	KT1	X				
2.	KT2	X				
3.	KT3	X				
4.	KN1		X			
5.	KN2		X			
6.	KN3		X			
7.	KN4			X		
8.	KN5	X				
9.	TC-TN1				X	
10.	TC-TN2					X

4. Điều kiện tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế Tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023.

4.1. Yêu cầu đối với người dự tuyển

4.1.1. Về văn bằng và ngành học

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ quản trị kinh doanh cần có các điều kiện sau về văn bằng và công trình nghiên cứu:

(1) Có bằng thạc sĩ hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành quản trị kinh doanh loại giỏi trở lên;

(2) Là tác giả của 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Đối với ngành học, người dự tuyển cần đáp ứng một trong các điều kiện về ngành học như sau:

(a) Người có bằng tốt nghiệp phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh, hoặc có bằng thạc sĩ nhóm ngành/ngành Kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm, Kế toán – Kiểm toán, và Quản trị - Quản lý.

(b) Trong trường hợp người dự tuyển có bằng thạc sĩ thuộc nhóm ngành Kinh tế học, Luật kinh tế thì học viên phải học bổ sung các học phần của chương trình thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (Quản trị thương hiệu nâng cao, Quản trị chất lượng nâng cao, Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao, Quản trị nhân sự nâng cao, Quản trị chiến lược nâng cao).

(c) Trường hợp người dự tuyển chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy thuộc nhóm ngành/ngành Quản trị kinh doanh, Kinh doanh. Trong trường hợp này, người dự tuyển phải có 02 công trình nghiên cứu được đăng trên tạp chí chuyên ngành (thuộc danh mục Hội đồng chức danh giáo sư ngành Quản trị kinh doanh hoặc ngành có liên quan công bố cùng thời điểm) hoặc kỷ yếu hội thảo cấp trường trở lên (được xuất bản và lưu chiểu) có nội dung cập nhật liên quan và phù hợp với đề tài luận án tiến sĩ. Ngoài chương trình học chính, nghiên cứu sinh sẽ phải hoàn thành các học phần bổ sung 30 tín chỉ.

4.1.2. Về trình độ ngoại ngữ

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ chứng minh về năng lực ngoại ngữ sau:

(a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

(b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

(c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ, ban hành theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục Đào tạo công bố. Cụ thể:

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Allieance francaise diplomas	TCF từ 400 trở lên DELE B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe-Institut	Goethe-Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

(d) Chứng chỉ tiếng Anh quy định tại điểm (c) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

(e) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm (a) khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm (b) khi có bằng tốt nghiệp đạo học ngành ngôn ngữ học nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các

chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm (c) do một tổ chức khảo thí quốc tế và Việt Nam công nhân cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

4.1.3. Về các điều kiện khác

- Đối với người dự tuyển đã có bằng thạc sĩ, cần có ít nhất một năm làm việc chuyên môn; đối với người dự tuyển có trình độ đại học, cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.

- Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời gian đào tạo; kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị cú thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn khoa học.

4.2. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

4.3. Hồ sơ ứng tuyển

01 Đơn ứng tuyển

02 Sơ yếu lý lịch

01 Bản sao bằng cấp cao nhất

01 Bản sao bảng điểm của bằng cấp cao nhất

01 Chứng chỉ tiếng Anh/ngoại ngữ

01 Bản sao giấy chứng nhận kiểm tra sức khỏe

04 Ảnh ID (ảnh trong thời hạn 06 tháng, kích thước 4x6 cm)

02 Thư giới thiệu

03 Bản nghiên cứu đã công bố

01 Đề xuất nghiên cứu

Lưu ý: Các ứng viên không có bằng thạc sĩ lĩnh vực/ngành Quản trị kinh doanh phù hợp sẽ được yêu cầu tham gia các khóa học chuyển đổi.

5. Cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học

5.1. Khối lượng học tập toàn khoá

- Tổng khối lượng học tập của CTĐT là là 90 tín chỉ đối với NCS đã có bằng thạc sĩ và 120 tín chỉ đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ.

- Phân bổ theo các khối kiến thức như sau:

Các học phần bổ sung (đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ): 30 tín chỉ

Các chuyên đề và tiểu luận tổng quan: 9 tín chỉ

Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses): 9 tín chỉ

Các học phần tự chọn (Elective Courses), chọn 2 trong 5 học phần : 4 tín chỉ

Luận án tiến sĩ (Dissertation): 68 tín chỉ

5.2. Cấu trúc và nội dung Chương trình dạy học

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Tổng số giờ tín chỉ		
				Lý thuyết	*Thực hành, thực tập, tiểu luận, thảo luận*	*Tự học*
I	**Các học phần bổ sung** *(Đối với NCS đầu vào là cử nhân)* Chọn 10 trong số 13 học phần (30 TC)		**30**			
1	**CHTH01**	Kinh doanh quốc tế *(International Business)*	3	30	30	90
2	**CHTH02**	Quản trị chiến lược nâng cao *(Advanced Strategic Management)*	3	30	30	90
3	**CHTH03**	Quản trị chất lượng nâng cao *(Advanced Quality Management)*	3	30	30	90
4	**CHTH04**	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao *(Advanced Human Resource Management)*	3	30	30	90
5	**CHKT02**	Tài chính công ty *(Corporate Finance)*	3	30	30	90
6	**CHPR01**	Quản trị Marketing nâng cao *(Advanced Marketing Management)*	3	30	30	90
7	**CHPR02**	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng *(Logistics and supply chain management)*	3	30	30	90
8	**CHPR08**	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo *(Technology and Innovation Management)*	3	30	30	90
9	**CHPR13**	Kinh doanh số *(Digital Business)*	3	30	30	90
10	**CHKT09**	Quản trị dự án đầu tư nâng cao *(Advanced Investment Project Management)*	3	30	30	90
11	**CHKT03**	Quản trị rủi ro *(Risk Management)*	3	30	30	90
12	**CHTH08**	Hành vi tổ chức *(Organizational Behavior)*	3	30	30	90
13	**CHPR10**	Phát triển năng lực lãnh đạo doanh nghiệp *(Leadership Development)*	3	30	30	90

II	**Các học phần ở trình độ tiến sĩ**		**90**			
II.1	***Các chuyên đề và tiểu luận tổng quan***		***9***			
14	**TSTH01**	Tiểu luận tổng quan *(Literature Review)* *(NCS sinh hoạt chuyên môn tại Khoa)*	3	0	30	120
15	**TSTH02**	Chuyên đề 1 *(Research Paper 1)* *(NCS sinh hoạt chuyên môn tại Khoa)*	3	0	30	120
16	**TSTH03**	Chuyên đề 2 *(Research Paper 2)* *(NCS sinh hoạt chuyên môn tại Khoa)*	3	0	30	120
II.2	***Các học phần bắt buộc (Compulsory Courses)***		***9***			
17	**TSTH04**	Lý thuyết tổ chức *(Theories of Organization)*	3	15	60	75
18	**TSTH05**	Phương pháp nghiên cứu khoa học & hướng dẫn viết luận án tiến sĩ *(Research Methodology & Guide to PhD's Disertation Writing)*	3	15	60	75
19	**TSTH06**	Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc nâng cao *(Advanced Statistical Analysis and Structural Equation Modeling)*	3	15	60	75
II.3	***Các học phần tự chọn (Elective Courses)*** *Chọn 2 trong 5 học phần*		***4***			
20	**TSTH07**	Quản trị chiến lược toàn cầu *(Global Strategic Management)*	2	10	40	50
21	**TSKT01**	Các vấn đề tài chính trong môi trường toàn cầu *(Financial Issues in the Global Environment)*	2	10	40	50

22	**TSPR01**	Lý thuyết Marketing và hành vi *(Marketing and Behavioral Theory)*	2	10	40	50
23	**TSKT02**	Giới trong kinh tế và quản trị: các hướng nghiên cứu mới *(Gender in Economics and Management: new research directions)*	2	10	40	50
24	**TSTH09**	Quản trị công ty *(Corporate Governance)*	2	10	40	50
II.4	***Luận án tiến sĩ (Dissertation)***		***68***			
25	**TSTH08**	Luận án tiến sĩ *(Doctoral Dissertation)*	68	0	1.700	1.700

5.3. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ học song song chương trình tiến sĩ và các học phần bổ sung theo chương trình đào tạo. Nghiên cứu sinh có thể học các học phần kiến thức bổ sung theo Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Thời gian	**Nội dung**	**Ghi chú**
Năm 1	Xây dựng đề cương nghiên cứu	
	Học các học phần trong chương trình tiến sĩ	
	Báo cáo đề cương nghiên cứu	
	Học các học phần bổ sung 1, 2, 3, 4, 5.	Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ
Năm 2	Thực hiện tiểu luận tổng quan	
	Thực hiện chuyên đề tiến sĩ 1	
	Thực hiện chuyên đề tiến sĩ 2	
	Báo cáo các nhóm chuyên đề	
	Học các học phần bổ sung 6, 7, 8, 9, 10	Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ
Năm 3	Viết và tổng hợp luận án	
	Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí và hội thảo khoa học	
	Bảo vệ luận án cấp cơ sở và cấp Trường.	
Năm 4	Bảo vệ luận án.	

5.4. Ma trận Chuẩn đầu ra – Học phần

TT	Tên học phần	KT1	KT2	KN1	KN2	KN3	KN4	TC1	TC2
1.	Kinh doanh quốc tế (International Business)	3	2	2	2	2	2	2	2
2.	Quản trị chiến lược nâng cao *(Advanced Strategic Management)*	3	2	2	2	2	2	2	2
3.	Quản trị chất lượng nâng cao *(Advanced Quality Management)*	3	2	2	2	2	2	2	2
4.	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao *(Advanced Human Resource Management)*	3	2	2	2	2	2	2	2
5.	Tài chính công ty *(Corporate Finance)*	3	2	2	2	2	2	2	2
6.	Quản trị Marketing nâng cao *(Advanced Marketing Management)*	3	2	2	2	2	2	2	2
7.	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng *(Logistics and supply chain management)*	3	2	2	2	2	2	2	2
8.	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo *(Technology and Innovation Management)*	3	2	2	2	2	2	2	2
9.	Kinh doanh số *(Digital Business)*	3	2	2	2	2	2	2	2
10.	Quản trị dự án đầu tư nâng cao *(Advanced Investment Project Management)*	3	2	2	2	2	2	2	2
11.	Quản trị rủi ro *(Risk Management)*	3	2	2	2	2	2	2	2
12.	Phát triển năng lực lãnh đạo doanh nghiệp *(Leadership Development)*	3	2	2	2	2	2	2	2
13.	Tiểu luận tổng quan *(Literature Review)*	2	3	2	3	2	2	3	3
14.	Chuyên đề 1 *(Research Paper 1)*	1	1	1	3	2	2	2	3
15.	Chuyên đề 2 *(Research Paper 2)*	1	1	1	3	2	2	2	3

TT	Tên học phần	KT1	KT2	KN1	KN2	KN3	KN4	TC1	TC2
16.	Phương pháp nghiên cứu khoa học & hướng dẫn viết luận án tiến sĩ *(Research Methodology & Guide to PhD's Disertation Writing)*	1	3	2	3	2	2	2	2
17.	Quản trị công ty *(Corporate Governance)*	3	2	3	2	2	2	2	2
18.	Lý thuyết tổ chức *(Theories of Organization)*	3	2	3	2	2	2	2	2
19.	Quản trị chiến lược toàn cầu *(Global Strategic Management)*	3	2	3	2	2	2	2	2
20.	Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc nâng cao *(Advanced Statistical Analysis and Structural Equation Modeling)*	1	3	3	3	3	2	2	2
21.	Quản trị hành vi tổ chức *(Organizational Behavior Management)*	3	2	3	2	2	2	2	2
22.	Các vấn đề tài chính trong môi trường toàn cầu *(Financial Issues in the Global Environment)*	3	2	3	2	2	2	2	2
23.	Lý thuyết Marketing và hành vi *(Marketing and Behavioral Theory)*	3	2	3	2	2	2	2	2
24.	Giới trong kinh tế và quản trị: các hướng nghiên cứu mới *(Gender in Economics and Management: new research directions)*	3	2	3	2	2	2	2	2
25.	Luận án tiến sĩ *(Dissertation)*	3	3	3	3	3	3	3	3

Ghi chú: 1 = Đóng góp mở mức thấp (giới thiệu); 2 = Đóng góp ở mức trung bình (nâng cao); 3 = Đóng góp ở mức cao (trọng tâm)

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT về *"Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ" ngày 28 tháng 06 năm 2021* của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo) và Quy chế tuyển sinh và Đào tạo trình độ Tiến sĩ của Học viện Phụ nữ Việt Nam ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-HVPNVN ngày 03/3/2023.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Nghiên cứu sinh được xét công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ quản trị kinh doanh nếu có đủ các điều kiện sau:

- Hoàn thành đầy đủ khối lượng và nội dung học tập của CTĐT;
- Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trước hội đồng chấm luận án và đạt yêu cầu thẩm định đối với các luận án thuộc diện thẩm định;
- Đã nộp bản luận án, tóm tắt luận án, kèm theo đĩa compact (CD) ghi toàn bộ nội dung luận án, tóm tắt luận án, giới thiệu luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, các bài báo đã công bố kèm theo phần mềm để đọc các nội dung đó (nếu cần) cho Thư viện Quốc gia và Trung tâm Thông tin Thư viện - Học viện Phụ nữ Việt Nam để đưa vào cơ sở dữ liệu số hóa;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, nghiên cứu sinh không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghiên cứu sinh không đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp chứng nhận điểm các học phần, chuyên đề đã hoàn thành trong chương trình đào tạo và được cấp các chứng chỉ theo các khối kiến thức đã hoàn thành. Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam cấp chứng nhận điểm học phần, chuyên đề và các chứng chỉ khối kiến thức cho nghiên cứu sinh.

Học viện Phụ nữ Việt Nam hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã đáp ứng các điều kiện theo quy định trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án.

Việc quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ được tiến hành sau 3 tháng kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị. Hồ sơ này phải được lưu trữ theo quy định.

Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam quyết định công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho các nghiên cứu sinh đã bảo vệ thành công luận án trên cơ sở các hồ sơ chấm luận án (bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định).

Bằng tiến sĩ có chữ kí của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam, được đóng dấu của Học viện Phụ nữ Việt Nam. Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam cấp bảng điểm học tập cho nghiên cứu sinh của đơn vị mình kèm theo bằng tiến sĩ đã được cấp. Bảng điểm học tập của nghiên cứu sinh bằng tiếng Việt và tiếng Anh, ghi rõ tên chuyên ngành,

tên học phần, số tín chỉ của học phần, điểm học phần, tổng số tín chỉ các học phần, điểm trung bình chung tích lũy toàn khoá, tên đề tài luận án, kết quả chấm luận án và tập thể cán bộ hướng dẫn.

Học viện Phụ nữ Việt Nam tổ chức trao bằng tiến sĩ theo nghi lễ mỗi năm một lần cho tất cả các nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo trong năm.

7. Phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập

- NCS tham gia các học phần lý thuyết theo CTĐT;

- Học viên tự nghiên cứu thông qua các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, giáo trình tài liệu tham khảo; Tự giác trong việc tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia nghiên cứu theo nhóm; Tích cực khai thác các tài nguyên trên internet và trong thư viện của Học viện phụ nữ Việt Nam, Thư viện Quốc Gia, các thư viện của các Trường Đại học khác ở trong và ngoài nước để phục vụ cho việc tự nghiên cứu và làm luận án tiến sĩ; Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá học phần.

7.1. Phương pháp, công nghệ dạy học

- Sử dụng phương pháp giảng dạy bậc tiến sĩ tích cực trong suốt quá trình đào tạo, khuyến khích và tạo cơ hội cho nghiên cứu sinh chủ động sáng tạo nhằm phát triển khả năng phân tích, phát triển và giải quyết các vấn đề.

- Giảng dạy trên lớp/ trực tuyến trên LMS:

+ Bài giảng trực tiếp của giảng viên;

+ Bài tập thực hành - thảo luận;

+ Bài tập lớn hoặc tiểu luận.

- Phương pháp thực hành, hội thảo, tự nghiên cứu

+ Nghiên cứu sinh sẽ tham quan thực tế để trao đổi kinh nghiệm;

+ Nghiên cứu sinh tích cực tham dự các buổi hội thảo khoa học có chủ đề liên quan đến đề tài nghiên cứu.

+ Nghiên cứu, phân tích, đánh giá các bài báo khoa học, báo cáo kết quả phân tích.

7.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

- Điểm chấm các học phần, chuyên đề theo thang điểm 10 (theo Rubrics)

- Tổ chức kiểm tra thường kỳ, bài tập, tiểu luận theo yêu cầu của đề cương chi tiết môn học. Tổ chức thi kết thúc học phần.

- Chấm điểm kiểm tra thường kỳ, thi kết thúc môn học theo quy định.

8. Mô tả tóm tắt các học phần

STT	Tên học phần	Tóm tắt
I	**Các học phần bổ sung** *(đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ)*	
1	Kinh doanh quốc tế	Học phần trang bị kiến thức nền tảng cho người học về kinh doanh quốc tế thông qua nghiên cứu các bài báo khoa học có chất lượng cao về các vấn đề kinh doanh quốc tế hiện nay và những xu hướng có liên quan. Bên cạnh đó, học phần này giúp người học tự khám phá ra các vấn đề nghiên cứu kinh doanh quốc tế trong qua tiếp cận các nguồn tài liệu có giá trị
2	Quản trị chiến lược nâng cao	Học phần Quản trị chiến lược nâng cao nghiên cứu các trường phái lý thuyết, các khái niệm, mô hình, công cụ, phương pháp nâng cao của quản trị chiến lược và vận dụng trong trong một môi trường cạnh tranh quốc tế; rèn luyện cho nghiên cứu sinh những kỹ năng phân tích nâng cao môi trường và chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp để có thể xây dựng, phát triển những chiến lược phù hợp trong môi trường cạnh tranh; phát triển những phẩm chất của nhà quản lý có tầm nhìn, tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng thay đổi và ứng phó với sự thay đổi của môi trường kinh doanh toàn cầu
3	Quản trị chất lượng nâng cao	Học phần Quản trị chất lượng nâng cao cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng bao gồm những nội dung chủ yếu sau: Các quan điểm về chất lượng, mô hình chi phí chất lượng, nội dung của quản lý chất lượng toàn diện, trình bày các kỹ thuật kiểm soát quá trình bằng thống kê, đánh giá chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng và một số tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng phổ biến hiện nay.
4	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	Học phần Quản trị nhân sự nâng cao cung cấp những kiến thức về vai trò của quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân lực; cơ sở luật pháp về nhân lực, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề có liên quan
5	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	Học phần đề cập đến các vấn đề về tài chính mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để hoạt động kinh doanh trong nền kinh tế thị trường như chi phí huy động và sử dụng vốn; quy trình xem xét, đánh giá dự án đầu tư, các tiêu chuẩn lựa chọn các dự án đầu tư; đánh giá mức độ rủi ro trong hoạt động đầu tư, cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp, các hoạt động quản trị tài sản, quản trị nguồn vốn, chính sách tài trợ để có cơ cấu vốn tối ưu
6	Quản trị marketing nâng cao	Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về Quản trị marketing bao gồm: phân tích môi trường, nghiên cứu khách hàng và phân tích cạnh tranh; phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị sản phẩm; xây dựng chiến lược

		marketing và chính sách marketing - mix; tổ chức thực hiện, kiểm soát hoạt động marketing.
7	Quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng	Học phần Quản trị chuỗi cung ứng cung cấp những kiến thức cơ bản đến chuyên sâu về quản trị hậu cần và chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, giá trị, mục đích phương pháp và các kỹ thuật quản trị hậu cần cũng như xây dựng hệ thống quản trị chuỗi cung ứng. Học phần giúp học viên ứng dụng được công nghệ thông tin, phân tích và thực hiện những hoạt động hậu cần, quản trị tồn kho, điều phối vận tải và áp dụng các chiến lược hậu cần nhằm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp/tổ chức trên thị trường.
8	Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo	Học phần Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo cung cấp kiến thức thực tế, ứng dụng lý luận về quản trị công nghệ và đổi mới để giải quyết các vấn đề thực tiễn, giúp doanh nghiệp/tổ chức liên tục đổi mới, đạt được và duy trì lợi thế cạnh tranh trên cơ sở ứng dụng mô hình kết hợp đa lĩnh vực, xử lý các tri thức mới - thu thập thông tin, chuyển thông tin thành các sản phẩm hoặc dịch vụ mới
9	Kinh doanh số	Học phần Kinh doanh số trang bị kiến thức cơ bản và nâng cao đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên môi trường số. Người học tiếp cận các vấn đề của kinh doanh số như hình thức, điều kiện của kinh doanh số; các nhân tố tác động của kinh doanh trong môi trường số; hoạch định chiến lước kinh doanh số. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp nội dung về hoạt động marketing số, quản trị khách hàng và chuỗi cung ứng trong kinh doanh số.
10	Quản trị dự án đầu tư nâng cao	Học phần Quản trị dự án đầu tư nâng cao trang bị những lý thuyết, khái niệm, mô hình, công cụ, phương pháp nâng cao của quản trị dự án và vận dụng trong trong môi trường hội nhập quốc tế; rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng phân tích, đánh giá, lựa chọn, triển khai, kiểm soát và đánh giá dự án đầu tư trong môi trường hội nhập quốc tế; và phát triển những phẩm chất của nhà quản lý có tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng thay đổi và ứng phó với sự thay đổi của môi trường kinh doanh
11	Quản trị công ty (Corporate Governance)	Học phần đề cập đến các nội dung về khung pháp lý quản trị công ty; quản trị chiến lược, quản lý rủi ro trong công ty; giới thiệu hội đồng quản trị công ty bao gồm chủ tịch hội đồng quản trị và các thành viên, giới thiệu và phân loại giám đốc công ty; phân tích các hoạt động của hội đồng quản trị công ty cũng như đánh giá hội đồng quản trị công ty.
12	Phát triển năng lực lãnh đạo doanh nghiệp *(Leadership Development)*	Học phần Phát triển năng lực lãnh đạo doanh nghiệp giúp học viên nắm vững những khái niệm về lãnh đạo và phát triển những hiểu biết và kỹ năng về lãnh đạo cho bản thân mình, nhận ra các bối cảnh lãnh đạo khác nhau với các quan niệm, mô hình và lý thuyết phù hợp nhằm làm cho công tác lãnh đạo trong doanh nghiệp hiệu quả. Học phần đề cập đến các nội dung cơ bản về

		phẩm chất, kỹ năng, bản chất và vai trò của nhà lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo hiệu quả, quyền lực và sự ảnh hưởng cũng như các tình huống lãnh đạo thực tế được thảo luận để trao dồi và phát triển kỹ năng lãnh đạo doanh nghiệp.
13	Quản trị rủi ro (Risk Management)	Học phần Quản trị rủi ro nghiên cứu các khái niệm, nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro; Phân tích sâu các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng, phân tích rủi ro; Kiểm soát và tài trợ rủi ro; Vận dụng quản trị rủi ro trong quản trị rủi ro nhân lực, quản trị rủi ro tài sản của doanh nghiệp.
II	**Các học phần chương trình Tiến sĩ**	
14	Chuyên đề tổng quan (Literature Review)	Chuyên đề tổng quan bao gồm các nội dung chính như sau: **Phần mở đầu**: Tính cấp thiết, nội dung, phương pháp và phạm vi nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu của chuyên đề. **Phần 1**: Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước - Hệ thống các công trình, bài viết đã được công bố, kể cả luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ liên quan đến đề tài luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh hoặc liên quan đến vấn đề mà luận án đề cập. - Nêu, phân tích, đánh giá những mặt được và chưa được của các nghiên cứu này trong giải quyết vấn đề mà luận án nghiên cứu. - Nêu được các tồn tại liên quan đến nội dung nghiên cứu của luận án mà các nghiên cứu đã thực hiện, đồng thời chỉ ra các khoảng trống mà luận án có thể tiến hành nghiên cứu, tập trung giải quyết. **Phần 2**: Khoảng trống nghiên cứu **Phần 3**: Hướng nghiên cứu và khung lý thuyết nghiên cứu **Phần 4**: Kết luận **Danh mục tài liệu tham khảo**
15	Chuyên đề 1 (Research Paper 1)	**Các chủ đề nghiên cứu khuyến nghị nhưng không giới hạn gồm có:** - Quản trị doanh nghiệp - Quản trị marketing, bán hàng - Quản trị nguồn lực - Quản trị nhân sự - Quản trị chiến lược, chính sách - Quản trị đổi mới sáng tạo - Quản trị tri thức - Quản trị tổ chức, hoạt động - Quản trị chất lượng - Quản trị tài chính - Quản trị hiệu quả **Kết cấu chuyên đề** 1. Phần mở đầu: Bao gồm các nội dung: Tính cấp thiết, mục tiêu, phạm vi, nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu 2. Phần 1: Cơ sở lý thuyết

		3. Phần 2: Phương pháp nghiên cứu 4. Phần 3: Kết quả nghiên cứu 5. Kết luận 6. Tài liệu tham khảo 7. Phụ lục
16	Chuyên đề 2 (Research Paper 2)	**Các chủ đề nghiên cứu khuyến nghị nhưng không giới hạn gồm có:** - Cơ sở lý thuyết và thực tiễn vấn đề nghiên cứu - Phương pháp nghiên cứu - Kết quả nghiên cứu **Kết cấu chuyên đề** 1. Phần mở đầu: Bao gồm các nội dung: Tính cấp thiết, mục tiêu, phạm vi, nội dung, phương pháp, kết quả nghiên cứu 2. Phần 1: Cơ sở lý thuyết 3. Phần 2: Phương pháp nghiên cứu 4. Phần 3: Kết quả nghiên cứu 5. Kết luận 6. Tài liệu tham khảo 7. Phụ lục
17	Lý thuyết tổ chức (Theories of Organization)	Học phần Lý thuyết tổ chức nghiên cứu những vấn đề lý luận và phương pháp nghiên cứu, phân tích, đánh giá, phát triển, hoàn thiện các mô hình, cấu trúc, các thành tố và hệ thống của tổ chức; Trang bị cho nghiên cứu sinh những lý thuyết, khái niệm, mô hình, công cụ, phương pháp cơ bản và nâng cao của lý thuyết tổ chức và vận dụng trong trong một môi trường cạnh tranh quốc tế; Rèn luyện cho nghiên cứu sinh những kỹ năng nâng cao trong phân tích môi trường của tổ chức, phân tích, đánh giá và xây dựng, phát triển những mô hình tổ chức phù hợp trong môi trường cạnh tranh; Phát triển những phẩm chất của nhà quản lý, nhà khoa học có tầm nhìn, tư duy đổi mới sáng tạo, khả năng thay đổi và ứng phó với sự thay đổi của môi trường kinh doanh.
18	Phương pháp nghiên cứu khoa học & hướng dẫn viết luận án tiến sĩ (Research Methodology & Guide to PhD's Disertation Writing)	Học phần cung cấp cho NCS các hướng dẫn cần thiết trong nghiên cứu khoa học liên quan các phương pháp và kỹ năng tổng quan tài liệu, xây dựng đề cương, kế hoạch nghiên cứu, phương pháp khảo sát và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và công bố kết quả nghiên cứu. Học phần hướng dẫn NCS kỹ năng tổng quan tài liệu từ các cơ sở dữ liệu như Web of Science (WoS), Scopus, Google Scholar (GS), Microsoft Academic (MA) vv…, sử dụng Phần mềm phân trắc thư mục (Bibliometrics) VOSViewer.
19	Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc nâng cao	Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp các kiến thức về Phân tích thống kê và mô hình Hồi quy cấu trúc và cách thức sử dụng các hàm, các phương pháp kiểm định, phân tích phương sai, cách khắc phục các sai phạm thông qua việc chọn mẫu, xử lý các biến

	(Advanced Statistical Analysis and Structural Equation Modeling)	đầu vào. Vận dụng những kiến thức có được từ môn học giúp xử lý được các mô hình phân tích hồi quy để giải các bài toán kinh tế, tài chính. NCS được hướng dẫn sử dụng các phần mềm phân tích thống kê hiện đại như SPSS, AMOS, sử dụng các phương pháp phân tích định lượng hiện đại như Phân tích nhân tố khám phá (EFA) và Phân tích nhân tố khẳng định (CFA), Phân tích hồi quy cấu trúc (SEM) và các kỹ thuật phân tích khác.
20	Quản trị chiến lược toàn cầu (Global Strategic Management)	Học phần Quản trị chiến lược toàn cầu cung cấp những nội dung kiến thức về các vấn đề liên quan đến quá trình toàn cầu hóa và hoạch định chiến lược toàn cầu như: Tổng quan về toàn cầu hóa, hoạch định chiến lược toàn cầu, hoạch định cấu trúc tổ chức toàn cầu, các vấn đề về liên minh minh chiến lược toàn cầu, sáp nhập và mua lại DN, đánh giá tính hấp dẫn của các quốc gia, các chiến lược xâm nhập thị trường. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức về quản trị chiến thuật trong thực thi chiến lược toàn cầu như: quản trị marketing toàn cầu, quản trị vận hành toàn cầu, quản trị đổi mới và văn hóa toàn cầu, quản trị nguồn nhân lực toàn cầu, quản trị tài chính toàn cầu. Những vấn đề mới nổi của toàn cầu hóa và những xu hướng toàn cầu cũng được giới thiệu nhằm giúp cho nghiên cứu sinh có một kiến thức tổng quát về quản trị chiến lược toàn cầu trong tương lai gần.
21	Những vấn đề tài chính trong môi trường toàn cầu (Financial Issues in the Global Environment)	Học phần này trang bị kiến thức về các vấn đề nổi bật hiện nay đối với tài chính doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu. Theo đó, người học tiếp cận các lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp thông qua các nghiên cứu điển hình đồng thời nghiên cứu đặc điểm của các yếu tố ảnh hưởng trong môi trường quốc tế đối với các hành vi tài chính doanh nghiệp.
22	Lý thuyết Marketing và hành vi (Marketing and Behavioral Theory)	Lý thuyết marketing và hành vi là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức các học phần tiến sĩ chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh. Học phần này gồm nhiều chuyên đề nhỏ trình bày các lý thuyết chuyên sâu và nâng cao; các quan điểm lý thuyết mới, các nghiên cứu cập nhật từ các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành uy tín; các ứng dụng lý thuyết về marketing, hành vi trong thực tiễn tại các doanh nghiệp, tổ chức,… với các chủ đề đa dạng, cập nhật.
23	Quản trị hành vi tổ chức (Organizational Behavior Management)	Quản trị hành vi tổ chức là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức học phần tiến sĩ chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh. Học phần tiếp cận nhận thức và ứng dụng các khoa học về hành vi của các cá nhân, nhóm và cấu trúc trong tổ chức và áp dụng những kiến thức này để cải thiện hiệu quả hoạt động của tổ chức; đồng thời hoàn thiện các kỹ năng cho các nhà quản lý, lãnh đạo, người quản lý cấp trung, các trưởng phó bộ phận và giải phóng họ khỏi những vướng mắc đang gặp phải trong công việc và làm tăng thêm phần lao động sáng tạo trong quỹ thời gian nhất định.

24	Giới trong kinh tế và quản trị: các hướng nghiên cứu mới (Gender in Economics and Management: new research directions)	Giới trong kinh tế và quản trị: các hướng nghiên cứu mới là học phần tự chọn nằm trong khối kiến thức các học phần tiến sĩ chuyên sâu ngành Quản trị kinh doanh. Học phần tiếp cận nhận thức, cập nhật xu hướng mới, hiện đại những vấn đề mới về giới trong kinh tế và quản trị và vận dụng các phương pháp tiếp cận từ góc độ giới, các công cụ phân tích và lồng ghép giới để phân tích và tạo ra những thay đổi tích cực về bình đẳng giữa nam và nữ trong tham gia vào hoạt động kinh tế, quản trị có tính bao trùm và phát triển theo hướng bền vững.
25	Luận án tiến sĩ (Dissertation)	Luận án tiến sĩ là một công trình nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, có những đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp có giá trị trong phát triển, nâng cao tri thức khoa học đối với lĩnh vực nghiên cứu, góp phần giải quyết các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn của đời sống kinh tế - xã hội. **Kết cấu luận án** 1. Phần mở đầu Bao gồm các nội dung: Tính cấp thiết, mục tiêu, phạm vi, nội dung, phương pháp, tóm tắt kết quả nghiên cứu 2. Tổng quan và cơ sở lý luận 3. Phương pháp luận nghiên cứu 4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận 5. Kết luận và kiến nghị 6. Tài liệu tham khảo 7. Phụ lục

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

PGS, TS. Trần Quang Tiến